

Số: 38/2008/NQ-HĐND

Pleiku, ngày 11 tháng 12 năm 2008

23



**NGHỊ QUYẾT**

**Về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường  
đối với chất thải rắn áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI  
KHOÁ IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BẢY  
(Từ ngày 09 đến ngày 11/12/2008)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí năm 2001; Nghị định số 57/2002/NĐ-CP, ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP, ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 174/2007/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn; Thông tư số 39/2008/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 174/2007/NĐ-CP;

Sau khi xem xét tờ trình số 3588/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu tại kỳ họp thứ Mười bảy, Hội đồng nhân dân tỉnh khoá IX,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất thông qua chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai như nội dung tờ trình số 3588/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2008 của UBND tỉnh Gia Lai.

Cụ thể:

**A. Phạm vi áp dụng:**

1. Đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn quy định tại Nghị định 174/2007/NĐ-CP là chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại được thải ra từ quá trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc các hoạt động khác (trừ chất thải rắn thông thường phát thải trong sinh hoạt của cá nhân, hộ gia đình).

2. Đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn là các tổ chức, cá nhân có chất thải rắn thuộc đối tượng chịu phí nêu trên, trừ những đối tượng

tự xử lý hoặc ký hợp đồng dịch vụ xử lý chất thải rắn đảm bảo tiêu chuẩn môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Đối tượng không phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn bao gồm:

- Cá nhân, hộ gia đình thải chất thải rắn thông thường phát thải trong sinh hoạt của cá nhân, hộ gia đình.

- Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp phí nhưng tự xử lý hoặc ký hợp đồng dịch vụ xử lý chất thải rắn đảm bảo tiêu chuẩn môi trường theo quy định của pháp luật, cụ thể:

+ Đối với trường hợp tự xử lý chất thải rắn đảm bảo tiêu chuẩn môi trường phải có thuyết minh rõ giải pháp công nghệ xử lý chất thải rắn; giải pháp công nghệ xử lý nước rác và nước thải từ hoạt động xử lý chất thải rắn; hiệu quả của công nghệ xử lý; các biện pháp bảo đảm an toàn trong quá trình vận hành; giải pháp xử lý các tình huống sự cố môi trường và các nội dung khác về xử lý chất thải rắn theo đúng quy định của pháp luật về quản lý chất thải rắn.

+ Đối với trường hợp ký hợp đồng dịch vụ xử lý chất thải rắn đảm bảo tiêu chuẩn môi trường phải có hợp đồng dịch vụ xử lý (hoặc hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý) chất thải rắn với chủ xử lý chất thải rắn được phép hoạt động theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải rắn.

## B. Khung mức thu:

I. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức thu cụ thể nhưng không vượt quá khung mức thu quy định tại Điểm II sau đây:

### II. Khung mức thu:

1. Đối với chất thải rắn thông thường phát thải từ hoạt động của cơ quan, cơ sở kinh doanh, dịch vụ, cơ sở sản xuất công nghiệp, làng nghề: 40.000 đồng/tấn.

2. Đối với chất thải rắn nguy hại:

Chất thải rắn nguy hại được phân loại theo các nhóm nguồn hoặc dòng thải chính theo quy định tại Mục II, Mục III Danh mục chất thải rắn nguy hại ban hành kèm theo Quyết định số 23/2006/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và môi trường.

a. Các chất thải rắn có ngưỡng nguy hại “\*\*\*” áp dụng khung mức thu như sau:

STT	DANH MỤC	MỨC THU TỐI ĐA (đồng/tấn)
01	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than	6.000.000
02	Chất thải từ ngành sản xuất hóa chất vô cơ	6.000.000
03	Chất thải từ ngành sản xuất hóa chất hữu cơ	6.000.000
04	Chất thải từ ngành nhiệt điện và các quá trình nhiệt	6.000.000

	khác	
05	Chất thải từ ngành luyện kim	6.000.000
06	Chất thải từ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và thủy tinh	6.000.000
07	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, tạo hình kim loại và các vật liệu khác	6.000.000
08	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng các sản phẩm che phủ (sơn, vec ni, men thủy tinh), chất kết dính, chất bịt kín và mực in	5.500.000
09	Chất thải từ ngành chế biến gỗ, sản xuất các sản phẩm gỗ, giấy và bột giấy	5.000.000
10	Chất thải từ ngành chế biến da, lông và dệt nhuộm	5.000.000
11	Chất thải xây dựng và phá dỡ (kể cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)	4.500.000
12	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý, tiêu hủy chất thải, xử lý nước cấp sinh hoạt và công nghiệp	4.000.000
13	Chất thải từ ngành y tế và thú y (trừ chất thải sinh hoạt từ ngành này)	6.000.000
14	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	3.000.000
15	Thiết bị, phương tiện giao thông vận tải đã hết hạn sử dụng và chất thải từ hoạt động phá dỡ, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện giao thông vận tải	5.000.000
16	Chất thải hộ gia đình và chất thải sinh hoạt từ các nguồn khác	2.000.000
17	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy (propellant)	6.000.000
18	Các loại chất thải bao bì, chất hấp thụ, giẻ lau, vật liệu lọc và vải bảo vệ	4.000.000
19	Các loại chất thải khác	2.000.000

b. Đối với chất thải rắn có ngưỡng nguy hại “\*” thì mức thu tính bằng 50% khung mức thu áp dụng đối với ngưỡng nguy hại “\*\*\*” theo quy định tại Điểm a nêu trên.

### C. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng:

1. Cơ quan thu phí: là cơ quan vệ sinh môi trường (hoặc đơn vị được ủy quyền) có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn.

2. Phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn là khoản thu thuộc ngân sách Nhà nước, được quản lý, sử dụng như sau:

Cơ quan, đơn vị trực tiếp thu phí (hoặc đơn vị được ủy quyền) được trích để lại 25% số phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí theo chế độ quy định;

phần còn lại nộp vào ngân sách Nhà nước địa phương, là khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100% để chi dùng cho các trường hợp sau:

- Chi phí cho việc xử lý chất thải rắn đảm bảo tiêu chuẩn môi trường, như: đốt, khử khuẩn, trung hóa, tro hóa, chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh, đảm bảo có sự kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm môi trường phát sinh trong quá trình xử lý chất thải;

- Chi hỗ trợ cho việc phân loại chất thải rắn, bao gồm cả hoạt động tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của nhân dân trong việc phân loại chất thải rắn ngay tại nguồn;

- Chi hỗ trợ đầu tư xây dựng các bãi chôn lấp, công trình xử lý chất thải rắn, sử dụng công nghệ tái chế, tái sử dụng, xử lý và tiêu hủy chất thải rắn.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện đúng quy định. Đồng thời bổ sung phương án quản lý, sử dụng nguồn thu phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai sau khi trừ khoản tỉ lệ trích để lại (75%) cho các đơn vị thu phí theo Nghị định số 174/2007/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn và Thông tư số 39/2008/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 174/2007/NĐ-CP (có ý kiến thỏa thuận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh).

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa IX, Kỳ họp thứ Mười bảy thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2008 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. / *YH*

**Nơi nhận :**

- UBTW QH, VP Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ, VP Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và môi trường;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Cục Kiểm tra VB - Bộ Tư pháp;
- VP UBND tỉnh (đăng Công báo);
- HĐND, UBND các huyện, TX, TP,
- Lưu: VT-HĐ (HL170).

**CHỦ TỊCH**



**Phạm Đình Thu**